

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-8-2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Hải

2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nga – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn:*** Anh **Lâm Hoàng H-** sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 138, khu 2, đường Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long .Có mặt.

2.***Bị đơn:*** Chị **Bùi Thị L-** sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu 09, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lâm Hoàng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Bùi Thị L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 15/12/2008, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm việc và sinh sống tại thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn do chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã khuyên bảo và cũng đã tha thứ nhiều lần nhưng chị L không thay đổi. Từ tháng 5/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lâm Hải Đ- sinh ngày 08/01/2010. Ly hôn, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2020, bị đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L thừa nhận lời trình bày của anh H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo chị L là do chị và anh H đều đã có mối quan hệ tình cảm với người khác. Hai bên đã tự trao đổi, hòa giải với nhau nhưng không khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh H yêu cầu ly hôn, chị L cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh H trình bày là đúng. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lâm Hoàng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thừa nhận nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng đúng như bị đơn là chị Bùi Thị L đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Hoàng H được ly hôn chị Bùi Thị L.
2. Về con chung: Giao con chung là Lâm Hải Đ- sinh ngày 08/01/2010 cho anh Lâm Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh H không yêu cầu.
3. Về án phí: Anh Lâm Hoàng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa anh Lâm Hoàng H và chị Bùi Thị L là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là chị L có nơi cư trú tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn là chị Bùi Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lâm Hoàng H và chị Bùi Thị L đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh H và chị L đều đã có quan hệ tình cảm với người khác nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Mặc dù vợ chồng đã cùng nhau nói chuyện, hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn và từ tháng 5/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H và chị L thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để tránh sự giằng buộc không có lợi cho cả hai bên.

[2.2]. Về con chung: Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung do anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và con chung đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở cùng với anh H. Do vậy, cần giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh H không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Lâm Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lâm Hoàng H và chị Bùi Thị L.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Lâm Hải Đ- sinh ngày 08/01/2010 cho anh Lâm Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh H không yêu cầu.

2.2. Chị Bùi Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lâm Hoàng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003548 ngày 04/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn là anh Lâm Hoàng H có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử

phúc thẩm. Bị đơn là chị Bùi Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được cho chị hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT, huyện CK;
- Đường sự;
- Chi cục THADS h Cẩm Khê;
- UBND tt T;
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Văn Thắng

